

**Tòa án nhân dân
Thị trấn phố Việt Trì
Tribunal de district**

**Cổng hợp xử kiện dân sự Việt Nam
Séc Lềp - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2020/HSST

Ngày 16/12/2020

**Nhân danh
nội cổng hợp xử kiện dân sự Việt Nam
Tòa án nhân dân thị trấn phố Việt Trì - Tribunal de district**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hiền

Ông Lê Ngọc Tường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, tỉnh PT, tham gia phiên tòa: Ông Phạm Khắc Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 148/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 732/2020/QĐXXST-HS ngày 04/12/2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thành C** - Sinh ngày 01/6/1994; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: Tổ 9, phường DT, thành phố YB, tỉnh YB; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Phạm Thành C, sinh năm 1974 và con bà: Hoàng Thị D, sinh năm 1974; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2018/HSST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 06 tháng 05 ngày tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2017 được trừ đi thời hạn bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/3/2017 đến ngày 13/6/2017. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. (Tài sản chiếm đoạt có giá trị là 6.634.000 đồng, C đã nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 24/5/2018). Tại bản án hình sự sơ thẩm số 268/2019/HSST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án, khấu trừ 88 ngày tạm giam, từ ngày 12/02/2019 đến ngày 10/5/2019, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. (Bị cáo phạm tội ngày 12/11/2018); Bị cáo bị khởi tố ngày 07/4/2020, ngày 11/6/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra C an thành phố VT, trích xuất bị cáo tại Trại giam Đắk Lắk. Ngày 08/7/2020 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C an tỉnh PT, có mặt.

** Bị hại:*

- Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: khu 1, xã TĐ, thành phố VT, tỉnh PT.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993

Địa chỉ: khu 6, xã CH, thành phố VT, tỉnh PT.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị Mai D, sinh năm 1988

và anh Bùi NA, sinh năm 1988

Địa chỉ: khu 3, xã DQ, huyện TN, tỉnh PT.

- Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu 11, xã TĐ, thành phố VT, tỉnh PT.

(Chị Đ, anh D có mặt; Anh T, chị D, anh A vắng mặt).

NỘI D V U Á N:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 17 giờ 05 phút ngày 16/5/2016, Phạm Thành C, sinh năm 1994, Đ ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1 (nay là tổ 9), phường ĐT, thành phố YB, tỉnh YB (không có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định), chở theo phía sau là anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, trú tại: khu 6, xã CH, thành phố VT, tỉnh PT, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đỏ đen, số máy: C12E-1426192, số khung: 189Y225304, xe không lắp biển kiểm soát đi trên đường B, theo chiều UBND xã TĐ đi đường C khu C nghiệp Thụy Vân, thuộc lô B2 khu C nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố VT, tỉnh PT. Do C vừa điều khiển xe vừa quay đầu lại để nói chuyện với anh T nên C đã đi sang phần đường dành cho các phương tiện đi theo chiều ngược lại làm bánh xe phía trước của xe mô tô do C điều khiển đâm vào bánh xe phía trước bên trái của xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, BKS: 19L5-2580 do chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982, trú tại: khu 11, xã TĐ, thành phố VT, tỉnh PT, điều khiển đang đi trên đường B, theo chiều đường C khu C nghiệp Thụy Vân đi UBND xã TĐ. Hậu quả: Hai phương tiện bị hư hỏng, chị Đ và anh T bị thương nặng phải đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh PT. Sau khi xảy ra tai nạn, Phạm Thành C bỏ trốn khỏi hiện trường.

Sau khi vụ tai nạn giao thông xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - C an thành phố VT đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông và quyết định trưng cầu giám định.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện:

Hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra tại nạn là đoạn đường B thuộc lô B2, khu C nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố VT, tỉnh PT. Là đoạn đường hai chiều, mặt đường được trải bê tông xi măng, bề mặt tương đối bằng phẳng, đường thẳng, tầm nhìn không bị hạn chế. Lòng đường rộng 11,40m, vỉa hè phía

bên phải theo chiều đường C khu C nghiệp Thụy Vân đi UBND xã TĐ rộng 1,50m, vỉa hè phía bên trái theo chiều đường C khu C nghiệp Thụy Vân đi UBND xã TĐ rộng 1,50m, cao 0,20m so với mặt đường B. Lấy mép đường phía bên phải theo chiều đường C khu C nghiệp Thụy Vân đi UBND xã TĐ làm chuẩn.

Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 16/5/2016 thể hiện 2 xe mô tô sau khi va chạm để lại 02 vết cà sát trên đường, cụ thể:

Vết cà sát mặt đường (vị trí 1) do xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE α không có biển kiểm soát để lại trên mặt đường. Vết cà sát mặt đường dài 12,5m, rộng 0,02m, đầu vết cách mép đường chuẩn 2,9m, vết kéo dài hướng đi đường C khu C nghiệp Thụy Vân. Điểm cuối của vết cách mép đường chuẩn 4,9m và cách vị trí xe mô tô không có biển kiểm soát là 0,60m.

Vết cà sát mặt đường (vị trí 2) do xe mô tô BKS: 19L5-2580 để lại trên mặt đường. Vết cà sát mặt đường dài 1,7m, rộng 0,02m, đầu vết cách mép đường chuẩn 2,2m và cách đầu vết cà sát mặt đường (vị trí 1) 1,6m. Vết kéo dài hướng đi đường C khu C nghiệp Thụy Vân và kết thúc tại phía dưới vị trí xe mô tô này đang đổ nghiêng bên trái trên mặt đường, đầu xe quay hướng đi đường C khu C nghiệp Thụy Vân. Điểm cuối của vết cách mép đường chuẩn 1,4m.

Khám nghiệm phương tiện thể hiện:

- Đối với xe mô tô không có biển kiểm soát:

Lốp, sẫm bánh trước xẹp hơi, má bên trái của lốp xe phát hiện vết nứt vỡ cao su kích thước 4cm x 0,1cm. Tương ứng với vị trí vết nứt vỡ lốp, vành kim loại bị đẩy cong hình chữ “V”, chiều hướng từ ngoài mặt lăn bánh lốp vào tâm trục bánh xe.

Má bên phải vành bánh trước bị đẩy cong theo chiều chữ “V”, chiều hướng từ mặt lăn của lốp hướng vào tâm trục bánh xe. Ống giảm sóc trước bên trái bị đẩy theo chiều từ trước về sau làm càng trước xe cong vênh tương ứng bánh xe trước bị đẩy vắn chiều hướng từ phải qua trái, từ trước về sau.

Mặt trước ống giảm sóc bên trái, tại vị trí bắt ốc trục bánh trước có vết quệt kim loại, chiều hướng từ trước về sau, từ phải qua trái kích thước 2cm x 1cm.

Mặt ngoài bên trái chắn bùn trước có vết quệt trượt nhựa chiều hướng từ trước về sau, kích thước 30cm x 10cm, đuôi chắn bùn trước bị vỡ. Cánh yếm bên trái của xe bị vỡ hoàn toàn, máy phía bên trái bị vỡ, hư hỏng.

Cần số của xe bị đẩy cong chiều hướng từ trước về sau, giá đỡ chân cao su bên trái có vết cà sát cao su, giá đỡ chân bị đẩy cong chiều hướng từ trước về sau, từ phải qua trái. Đầu mút tay lái bên trái có vết quệt trượt kim loại chiều hướng từ trước về sau: kích thước 3cm x 1,5cm, phần ốp nhựa đầu xe đèn xi nhan bên trái bị dập vỡ.

Mặt ngoài phía trước lồng máy bên trái có chất bám dính chất keo màu đỏ kích thước 4cm x 6cm.

Đầu mút tay lái bên phải có vết quệt trượt kim loại chiều hướng từ trước về sau. Cánh yếm bên phải phần tiếp giáp với mặt nạ trước của xe bị tách rời khỏi vị trí ban đầu, mặt trước cánh yếm có vết quệt trượt nhựa kích thước 8cm x 1,7cm.

- Đối với xe mô tô BKS 19L5-2580:

Sẫm, lốp bánh trước bị xẹp hơi, vành bị bóp méo cong vênh hoàn toàn, toàn bộ nan hoa bị gãy biến dạng bung khỏi vị trí ban đầu.

Má vành kim loại bên trái bánh trước bị cong vênh biến dạng hình chữ “V”, chiều hướng từ ngoài chiều lăn của lốp vào trục xe.

Mặt ngoài phía trước moay ơ bên trái có vết vỡ kim loại kích thước 2,5cm x 0,5cm. Hai càng trước của xe bị đẩy cong vênh, chiều hướng từ trước về sau. Toàn bộ cánh yếm bên trái bị gãy rời khỏi vị trí ban đầu.

Mặt ngoài ốp nhựa phía trong cánh yếm bên trái có vết cà sát nhựa và dính chất keo màu đỏ kích thước 17cm x 10cm. Mặt ngoài và phía trước lồng máy bên trái bám dính nhiều chất keo màu đỏ và đen kích thước 7cm x 6,5cm.

Cần số phía trước bên trái của xe bị đẩy cong từ trước về sau, mặt trong cần số phía trước có vết cà sát kim loại bám dính chất keo màu đỏ và đen kích thước 8cm x 2cm. Mặt ngoài ốp nhựa sườn xe bên trái có vết cà sát bong tróc nhựa. Ốp nhựa, đèn chuyển hướng phía sau bên trái bị vỡ, vết nứt vỡ kích thước 8cm x 4,5cm.

Mặt ngoài ốp nhựa đèn chuyển hướng bên phải có vết cà sát nhựa dạng mài mòn kích thước 7cm x 3cm. Mặt ngoài đầu mút tay phanh bên phải có vết cà sát bong tróc sơn kích thước 1cm x 1cm. Mặt ngoài phía trước trên ốp bảo vệ gương chiếu hậu bên phải có vết cà sát nhựa có kích thước 10cm x 3cm.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với anh T và chị Đ. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 96/TgT/2016 ngày 04/7/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh PT kết luận:

“Tỷ lệ tổn hại phần trăm sức khỏe của chị Nguyễn Thị Đ là 34%”.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 97/TgT/2016 ngày 04/7/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh PT kết luận:

“Tỷ lệ tổn hại phần trăm sức khỏe của anh Nguyễn Văn T là 47%”.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá đối với thiệt hại của xe mô tô BKS 19L5-2580, và thiệt hại của xe mô tô không có biển kiểm soát.

Tại bản kết luận định giá tài sản phục vụ tố tụng hình sự ngày 16/8/2016 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố VT xác định, phần thiệt hại của xe mô tô BKS 19L5-2580 là: 3.030.000 đồng, xác định, phần thiệt hại của xe mô tô không có biển kiểm soát là: 2.400.000 đồng.

Như vậy, nguyên nhân vụ tai nạn giao thông xảy ra là do Phạm Thành C điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định, đi không đúng phần đường gây tai nạn giao thông làm tổn hại sức khỏe cho chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn T với tổng tỷ lệ tổn hại phần trăm sức khỏe là 81%. Sau khi gây tai nạn, C không cấp cứu người bị nạn mà bỏ trốn khỏi hiện trường.

Hành vi nêu trên của Phạm Thành C đã vi phạm khoản 9, khoản 17 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ.

Khoản 9, 17 Điều 8: Các hành vi bị nghiêm cấm:

“9. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.

...

17. Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm.”

Khoản 1 Điều 9: Quy tắc chung:

“1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.”

Tại cơ quan điều tra, Phạm Thành C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với 01 xe mô tô BKS 19L5-2580, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1975, trú tại: khu 11, TĐ, VT, PT. Ngày 03/11/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô trên cho anh D.

Đối với xe mô tô không có BKS, quá trình điều tra xác định đây là xe mô tô BKS 19V1-6330 của chị Nguyễn Thị Mai D, sinh năm 1988 và chồng là anh Bùi NA, sinh năm 1988, trú tại: xã DQ, huyện TN, tỉnh PT, bị mất trộm vào ngày 05/5/2016 tại phòng trọ ở Đội 9, Cẩm Đội, xã Thụy Vân, thành phố VT, tỉnh PT. Về chiếc xe mô tô BKS 19V1-6330, Phạm Thành C khai mua lại của một người không quen biết tại một quán nước ven đường thuộc huyện Đoan Hùng, tỉnh PT với giá 1.400.000 đồng, khi mua xe không có giấy tờ gì. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại xe mô tô trên cho anh NA, anh NA đã nhận lại tài sản và đề nghị, yêu cầu bị C phải trả tiền phí sửa chữa hư hỏng xe cho vợ, chồng anh. Đối với chiếc xe mô tô BKS 19V1-6330 do Phạm Thành C điều khiển xảy ra tai nạn do chưa xác định người thực hiện hành vi trộm cắp nên Cơ quan điều tra đã tách hồ sơ vụ Trộm cắp tài sản để tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 100.000.000 đồng bao gồm tiền viện phí, tiền tổn thất tinh thần và các khoản chi phí khác; anh Nguyễn Văn T không yêu cầu C phải bồi thường, anh T tự khắc phục hậu quả thiệt hại, không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số: 158/CT-VKSVT ngày 14 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT truy tố bị cáo Phạm Thành C về tội: ***“Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”*** theo quy định tại khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào: điểm a, c khoản 2 Điều 202, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điểm a, b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 và Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thành C phạm tội: ***“Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”***;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thành C từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam là ngày 08/7/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Thành C.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị Đ theo quy định của pháp luật.

- Bị hại anh Nguyễn Văn T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

- Đối với anh Bùi NA, chị Nguyễn Thị Mai D đã được trả lại chiếc xe mô tô không có BKS (quá trình điều tra xác định BKS là 19V1-6330) do bị cáo điều khiển gây tai nạn, quá trình nhận xe đã sửa chữa khoảng 4.000.000 đồng (không có hóa đơn) và đề nghị bị cáo C phải trả tiền chi phí sửa chữa. Do chưa xác định được người thực hiện hành vi trộm cắp nên anh Anh, chị D chưa yêu cầu bồi thường trong vụ án này. Cơ quan điều tra tách hồ sơ vụ án Trộm cắp tài sản để điều tra theo quy định của pháp luật là phù hợp. Vì vậy không xem xét trong vụ án này.

* Về xử lý vật chứng: Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô BKS 19L5 – 2580 cho anh Nguyễn Đình D và trả lại cho anh anh Bùi NA, chị Nguyễn Thị Mai D chiếc xe mô tô không có BKS (quá trình điều tra xác định BKS là 19V1-6330) là hợp pháp.

* Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì khác về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C an thành phố VT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vật chứng cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện như sau: Vào khoảng 17 giờ 05 phút ngày 16/5/2016, Phạm Thành C, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α BKS 19V1-6330 (không có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định), chở theo phía sau xe mô tô là anh Nguyễn Văn T đi trên đường B, theo chiều UBND xã TĐ đi đường C khu C nghiệp Thụy Vân, thuộc lô B2 khu C nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố VT, tỉnh PT. Do C điều khiển xe đi không đúng phần đường theo quy định nên bánh xe trước của xe mô tô do C điều khiển đâm vào bánh xe phía trước bên trái của xe mô tô BKS: 19L5-2580 do chị Nguyễn Thị Đ điều khiển đang đi trên đường B, theo chiều đường C khu C nghiệp Thụy Vân đi UBND xã TĐ. Sau khi xảy ra tai nạn, Phạm Thành C bỏ trốn khỏi hiện

trường. Hậu quả: Hai phương tiện bị hư hỏng, thiệt hại của xe mô tô BKS 19L5-2580 là: 3.030.000 đồng, thiệt hại của xe mô tô BKS 19V1-6330 là: 2.400.000 đồng. Chị Đ bị thương với tỷ lệ tổn hại phần trăm sức khỏe là 34%, anh T bị thương với tỷ lệ tổn hại phần trăm sức khỏe là 47%.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 632/2020/QĐ-TA ngày 02/11/2020 đối với Phạm Thành C và tại kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 107/KLGĐ ngày 01/12/2020 của Trung tâm pháp y tâm thần Khu vực miền núi Phía bắc đã kết luận:

“1. Phạm Thành C, sinh năm 1994, trú tại tổ 9, phường DT, thành phố YB, tỉnh YB không bị bệnh tâm thần.

2. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 16/5/2016 Phạm Thành C không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

3. Hiện tại Phạm Thành C không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi”.

Hành vi nêu trên của Phạm Thành C đã vi phạm khoản 9, khoản 17 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ.

Khoản 9, 17 Điều 8: Các hành vi bị nghiêm cấm:

“9. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.

...

17. Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm.”

Khoản 1 Điều 9: Quy tắc chung:

“1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.”

Hành vi phạm tội của C làm tổn hại đến sức khỏe của chị Đ với tỷ lệ tổn hại sức khỏe là 34% và của anh T là 47% nên căn cứ theo Điểm b Khoản 4.1 Điều 4 Phần 1 Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự thì hành vi của C là gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe của người khác. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 16/5/2016, vào thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 chưa có hiệu lực pháp luật. Nên so sánh Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 với Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định tội phạm có hình phạt nhẹ hơn so với Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Áp dụng theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì hành vi phạm tội của Phạm Thành C đã phạm tội: **“Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”** được quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Tại Khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây

thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

a) Không có giấy phép hoặc bằng lái xe theo quy định;

...

c) Gây tai nạn rồi bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn;”

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo không những đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại sức khỏe, tài sản của người khác mà còn xâm phạm trật tự C cộng. Do vậy cần phải xử lý thật nghiêm minh trước pháp luật.

Tuy nhiên trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2018/HSST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và bản án hình sự sơ thẩm số 268/2019/HSST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đều xác định bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xong tại kết luận giám định số: 107/KLGĐ ngày 01/12/2020, đã kết luận bị cáo không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xong xét thấy sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn và đã thực hiện nhiều hành vi phạm tội khác nhau đã bị xét xử bằng 02 bản án đã có hiệu lực pháp luật, mặc dù 02 bản này không phải là tiền án vì hành vi phạm tội của bị cáo xét xử ngày hôm nay được thực hiện trước khi có 02 bản án nên cần xử phạt hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo cải tạo thành người C dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo C.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với người bị hại là anh Nguyễn Văn T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tài sản với tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Xong qua các tài liệu chị Đ cung cấp, hóa đơn chi phí tổng số tiền là 19.363.000 đồng, trong đó có 01 hóa đơn ngày 17/7/2017 với số tiền là 103.044 đồng, gồm: tiền sửa, thay thế phụ tùng xe mô tô,

tiền làm răng, tiền khám, chữa bệnh... và tại phiên tòa chị Đ cung cấp hóa đơn với số tiền là 1.370.000 đồng (là tiền khám bệnh của năm 2018 và năm 2019). Xét yêu cầu đòi tiền bồi thường của chị Đ là chưa phù hợp, có những khoản không hợp lý là các hóa đơn khám bệnh, các năm 2017, 2018 và 2019, tiền sửa xe định giá thiệt hại là 3.030.000 đồng nhưng sửa xe là 5.700.000 đồng nên cần chấp nhận các chi phí hợp lý mà chị Đ cung cấp và cộng với khoản tiền thu nhập thực tế bị giảm sút khi bị xâm hại sức khỏe, C người chăm sóc (37 ngày chị Đ nằm viện) cũng như khoản bù đắp về tinh thần, tổn hại phần trăm sức khỏe, cụ thể:

+ Tiền khám chữa bệnh, chi phí làm răng, sửa xe là 16.590.000 đồng

+ Thu nhập thực tế trước khi sức khỏe bị xâm hại (Thu nhập trung bình là 4.987.000 đồng/01 tháng) x 03 tháng = 14.961.000 đồng. Trong thời gian sức khỏe bị xâm hại thu nhập bị giảm, được Cơ quan trả tiền lương trong 03 tháng là 2.562.000 đồng nên số thu nhập thực tế bị giảm sút là: 14.961.000 đồng - 2.562.000 đồng = 12.399.000 đồng.

+ Ngày C người chăm sóc là 200.000 đồng x 37 ngày = 7.400.000 đồng.

+ Tiền tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm hại (tổn hại 34% sức khỏe) là 10 tháng x 1.490.000đ = 14.900.000 đồng.

Tổng số là 51.289.000 đồng. Nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đ số tiền là 51.289.000 đồng.

- Đối với anh Nguyễn Đình D đã được trả lại xe mô tô BKS 19L5 – 2580 (do chị Đ bị hại điều khiển), không yêu cầu về sửa chữa xe nên không xem xét và xác nhận đã được trả xe mô tô.

- Đối với anh Bùi NA, chị Nguyễn Thị Mai D đã được trả lại chiếc xe mô tô không có BKS (quá trình điều tra xác định BKS là 19V1-6330) do bị cáo điều khiển gây tai nạn, quá trình nhận xe đã sửa chữa khoảng 4.000.000 đồng (không có hóa đơn) và đề nghị bị cáo C phải trả tiền chi phí sửa chữa. Do chưa xác định được người thực hiện hành vi trộm cắp nên anh Anh, chị D chưa yêu cầu bồi thường trong vụ án này. Cơ quan điều tra tách hồ sơ vụ án Trộm cắp tài sản để điều tra theo quy định của pháp luật là phù hợp. Vì vậy không xem xét trong vụ án này.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô BKS 19L5 – 2580 cho anh Nguyễn Đình D và trả lại cho anh anh Bùi NA, chị Nguyễn Thị Mai D chiếc xe mô tô không có BKS (quá trình điều tra xác định BKS là 19V1-6330) là phù hợp cần xác nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố VT, tỉnh PT tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

V× c, c lĩ tr^n,

quyỐt ®Pnh:

Căn cứ vào: điểm a, c khoản 2 Điều 202, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điểm a, b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 và Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thành C phạm tội: “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thành C **04 (Bốn)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam là ngày 08/7/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Phạm Thành C.

** Về Trách nhiệm dân sự:*

Buộc bị cáo Phạm Thành C phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Đ tổng số tiền là 51.289.000 đồng (Năm mươi một triệu hai trăm tám mươi chín nghìn đồng).

** Về xử lý vật chứng:* Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô BKS 19L5-2580 cho anh Nguyễn Đình D và trả lại cho anh anh Bùi NA, chị Nguyễn Thị Mai D chiếc xe mô tô không có BKS (quá trình điều tra xác định BKS là 19V1-6330) là hợp pháp.

** Về án phí:* Buộc bị cáo Phạm Thành C phải chịu 200.000 đồng, tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.564.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND TP VT;
- Can tỉnh PT;
- Can TP VT;
- Sở Tư pháp tỉnh PT;
- Chi cục THADS TP VT;
- UBND nơi B/c cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, AV.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyện

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ XÉT XỬ
Kýnh gọi: UBND xã Kim Đức, thành phố VT, tỉnh PT.

Tọa án nhân dân tỉnh phê Quyết Tr× - tởnh Phó Thā th«ng
b, o Ôn UBND xã Kim Đức, thành phố VT, tỉnh PT : Tại Bản án hình sự
sơ thẩm số 121 ngày 28/8/2017 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Nguyễn Đức Ân** - Sinh ngày 25/5/1972

Nơi ĐKKTT: Khu 11, xã Kim Đức, thành phố VT, tỉnh PT;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố b, o **Nguyễn Sóc ẹn** phạm tội "**Vi phạm quy
®Pnh vÒ ®iÒu khiÓn ph-ng tiÕn giao th«ng ®êng bé**".

Đp đồng: khoản 1 §iÒu 202, ®iÓm b, p khoản 1, khoản 2
§iÒu 46, §iÒu 31 Bé luật h×nh sù năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009;
điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc
Hội; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xö ph¹t: B, o **Nguyễn Sóc ẹn** 27 (Hai mươi bảy) tháng cải tạo
không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày tính từ ngày UBND
xã Kim Đức, thành phố VT, tỉnh PT nhận được quyết định thi hành án vµ b¶n
sao b¶n ủa Tòa án. Giao b, o cho UBND xã Kim Đức, thành phố VT,
tỉnh PT, gi, m s, t, gi, o dõc trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình
b, o có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám
sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Đức Ân

Miễn áp dụng h×nh ph¹t bæ sung đối với b, o Nguyễn Sóc
ẹn.

*** VÒ tr, ch nhiÖm d©n sù:** Áp dụng: khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình
sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 584, 585, 591 Bộ luật dân sự.

X, c nhËn b, o Nguyễn Sóc ẹn vµ vî lụ chP Nguyễn ThP T-
-i ®· b¶i thêng cho gia ®×nh ngêi b, h¹i số tiền 100.000.000 đồng
(Môt trãm triÖu ®ång). ChP Nguyễn ThP Nhung lụ ®¹i diÖn gia
®×nh ngêi b, h¹i ®· nhËn ®ñ sè tiÒn træn và kh«ng cã yªu cÇu
hay ®Ò nghP gx kh, c.

*** Về xử lý vệt chøng:** Đp đồng: điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 76
Bé luật tè tång h×nh sù.

- Tr¶ l¹i t¹i phiæn tĩa cho b, o Nguyễn Sóc ẹn 01 giÊy phĐp
l, i xe số 250084001170 mang t²n Nguyễn Đức Ân do Së giao th«ng
vËn t¶i tỉnh PT cÊp ngÿ 05/10/2015.

*(Theo biên bản giao nhận vệt chøng ngÿ 13 th, ng 7 n"m
2017 t¹i Chi cc Thi hµnh ủa d©n sù tnh phè ViÖt Tr×).*

Xác nhận ngày 30/5/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra C an thành phố VT đã
trả lại cho bị cáo các tài sản sản gồm: 01 xe ô tô BKS 19C-099.79 cùng một số
giấy tờ, gồm: 01 giấy chứng nhận Đ ký xe ô tô BKS 19C-099.79, 01 giấy chứng

nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 1393139 của xe ô tô BKS 19C-099.79, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô số 0259167/16 của xe ô tô BKS 19C-099.79 có biên bản lưu trong hồ sơ là hợp pháp.

Xác nhận ngày 30/5/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố VT đã trả lại cho gia đình người bị hại các tài sản gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 19K8-1039, 01 giấy phép lái xe số 00071-19B do Công an tỉnh Vĩnh Phú cấp ngày 08/7/1995 mang tên Nguyễn Văn Dậu, 01 ĐK ký xe mô tô số 0010010 biển kiểm soát 19K8-1039 có biên bản lưu trong hồ sơ là hợp pháp.

VỀ PHÍ: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí vụ lỗi phí Tòa án.

Bước nộp của Nguyễn Văn Dậu phí chi trả 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) phí hình sự sơ thẩm.

Nơi nhận:

Thêm phần

- UBND xã Kim Đức, TP VT

Tỉnh PT

- Lưu HS

Nguyễn Bình Luyến